

Số: **03/2022/QĐST - DS**

Chơn Thành, ngày 12 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự tự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Trọng L, sinh năm 1974; bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ cư trú: Số 76/48 L, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Trọng D, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Tổ 6, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1952; Địa chỉ cư trú: Ấp 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Ấp 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1979; ông Đoàn Văn Nam, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước – Địa chỉ: Trung Tâm hành chính huyện C, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước; người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Duy Đ – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước – Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Người đại diện theo pháp luật: Ông

Dương Hoàng Anh T – Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N; Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Mai Trọng L, bà Nguyễn Thị Thanh N trả lại cho hộ bà Trịnh Thị T phần đất có diện tích 76.9 m², phần đất này nằm trong tổng diện tích 880.8m², tọa lạc khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước; thửa đất số: 52, tờ bản đồ số: 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CS 684015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CS-08546, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 24/9/2019, mang tên ông Mai Trọng L và bà Nguyễn Thị Thanh N (Có sơ đồ kèm theo).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai (cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành) điều chỉnh phần đất có diện tích 76.9 m² nêu trên từ thửa đất số: 52, tờ bản đồ số: 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CS 684015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CS-08546, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 24/9/2019, mang tên ông Mai Trọng L và bà Nguyễn Thị Thanh N sang thửa đất số:10, tờ bản đồ số: 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 606373, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 00591, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ bà Trịnh Thị T;

2.2. Bà Lê Thị S và ông Đoàn Văn N (chồng bà S) trả lại cho ông Mai Trọng L, bà Nguyễn Thị Thanh N phần đất có diện tích 15.6 m², phần đất này nằm trong tổng diện tích 876.4m², tọa lạc khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước; thửa đất số: 51, tờ bản đồ số: 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 972698, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CH – 03228, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05/6/2012, mang tên bà Lê Thị S(Có sơ đồ kèm theo).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai (cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành) điều chỉnh phần đất có diện tích 15.6 m² nêu trên từ thửa đất số: 51, tờ bản đồ số: 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BH 972698, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CH – 03228, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05/6/2012, mang tên bà Lê Thị Ssang thửa đất số: 52, tờ bản đồ số: 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CS 684015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CS-08546, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 24/9/2019, mang tên ông Mai Trọng L và bà Nguyễn Thị Thanh N.

2.3. Ông Mai Trọng L, bà Nguyễn Thị Thanh N; hộ bà Trịnh Thị T và bà Lê Thị S, ông Đoàn Văn N có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật đối với các diện tích đất nêu trên theo sơ đồ đo đạc ngày 21/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bình Phước (Có sơ đồ kèm theo).

2.4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Trọng L, bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng nộp tạm

ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 0004260, quyền số: 0086, ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước. Bà Trịnh Thị T không phải chịu án phí.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và đo đạc: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và đo đạc là 24.830.000 đồng. Ông Mai Trọng L, bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu số tiền 12.415.000 đồng; bà Trịnh Thị T phải chịu số tiền 12.415.000 đồng. Do ông L, bà N đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và đo đạc tại Phiếu thu ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước và Hóa đơn bán hàng ngày 27/01/2021 và hóa đơn bán hàng ngày 28/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bình Phước nên bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông L, bà N số tiền 12.415.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán

Trần Quốc Mạnh